

**CÔNG TY CỔ PHẦN QUẢN LÝ QUỸ ĐẦU TƯ
TÀI CHÍNH DẦU KHÍ**

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã Hội Chủ nghĩa Việt Nam)

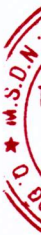
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2015**



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	9 - 27



Số: 68 /VNIA-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Tài chính Dầu khí (PVFC Capital)**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Tài chính Dầu khí (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 24 tháng 3 năm 2016, từ trang 04 đến trang 27, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý người đọc báo cáo tài chính đến các vấn đề sau đây:

- Như trình bày tại Thuyết minh số 6 - Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, số dư đầu tư vào chứng khoán vốn chưa niêm yết của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 26.792.052.632 VND. Việc trích lập dự phòng giảm giá các chứng khoán vốn chưa niêm yết được dựa trên các báo giá được thu thập từ 02 công ty chứng khoán có vốn điều lệ trên 300 tỷ VND. Ban Giám đốc Công ty đã thận trọng đánh giá và tin tưởng rằng mức giá từ các báo giá thu thập được phản ánh giá trị thị trường của các cổ phiếu này;
- Như trình bày tại Thuyết minh số 6 - Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, số dư các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 bao gồm số tiền 9.000.000.000 VND đầu tư vào 450.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Phú Sơn nhằm mục đích thu lợi nhuận trong ngắn hạn. Ban Giám đốc Công ty đã thận trọng đánh giá khả năng thanh lý khoản đầu tư này trong vòng 12 tháng tới và tin tưởng rằng việc phân loại, trình bày khoản đầu tư này là phù hợp;
- Như trình bày tại Thuyết minh số 11 - Các khoản đầu tư tài chính dài hạn, số dư các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 bao gồm số tiền 12.900.000.000 VND, tương đương với tỷ lệ 50% vào dự án xây dựng công trình số 12 Đỗ Ngọc Du, Hà Nội (“Dự án”) theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh với Hợp tác xã Công nghiệp Chiến Thắng ngày 27 tháng 01 năm 2014. Ban Giám đốc đã thận trọng đánh giá tính chất đặc thù của Hợp đồng hợp tác đầu tư này và tin tưởng rằng việc phân loại và trình bày khoản đầu tư này vào Đầu tư tài chính dài hạn khác là phù hợp với bản chất của Hợp đồng hợp tác đầu tư.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến các vấn đề này.



Nguyễn Tuấn Anh

Giám đốc Kiểm toán

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 1291-2013-001-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 24 tháng 3 năm 2016

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Phạm Quỳnh Hoa

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
số 0910-2013-001-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B 01-CTQ
 Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+150)	100		114.658.475.978	149.485.541.923
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	33.838.925.876	17.653.969.794
1. Tiền	111		8.338.925.876	1.653.969.794
2. Các khoản tương đương tiền	112		25.500.000.000	16.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	70.638.032.461	53.402.983.063
1. Đầu tư ngắn hạn	121		75.469.347.369	55.494.723.286
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(4.831.314.908)	(2.091.740.223)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		10.071.517.641	78.037.417.400
1. Phải thu khách hàng	131		678.210.275	56.188.659.165
2. Phải thu hoạt động nghiệp vụ	134	7	4.725.869.637	19.277.782.585
3. Các khoản phải thu khác	135	8	4.667.437.729	2.570.975.650
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		110.000.000	391.171.666
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		110.000.000	391.171.666
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+250+260)	200		14.378.920.352	35.572.164.292
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		389.422.800	389.422.800
1. Phải thu dài hạn khác	218		389.422.800	389.422.800
II. Tài sản cố định	220		243.480.083	332.741.492
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	214.342.591	307.533.163
- Nguyên giá	222		1.241.286.468	1.241.286.468
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.026.943.877)	(933.753.305)
2. Tài sản cố định vô hình	227	10	29.137.492	25.208.329
- Nguyên giá	228		88.300.000	55.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(59.162.508)	(29.791.671)
III. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	11	12.900.000.000	34.350.000.000
1. Đầu tư dài hạn khác	258		12.900.000.000	34.350.000.000
IV. Tài sản dài hạn khác	260		846.017.469	500.000.000
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		846.017.469	500.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		129.037.396.330	185.057.706.215

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B01-CTQ
 Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2015	31/12/2014
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310)	300		18.102.988.293	67.322.053.471
L Nợ ngắn hạn	310		18.102.988.293	67.322.053.471
1. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	12	394.380.044	1.093.637.471
2. Phải trả người lao động	315		1.248.617.735	76.442.269
3. Chi phí phải trả	316	13	764.115.478	728.998.979
4. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	14	14.529.116.891	64.822.218.165
5. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.166.758.145	600.756.587
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)	400		110.934.408.037	117.735.652.744
L Vốn chủ sở hữu	410	15	110.934.408.037	117.735.652.744
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		100.000.000.000	100.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417		999.048.486	999.048.486
3. Quỹ dự phòng tài chính	418		999.048.486	999.048.486
4. Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		484.011.788	-
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		8.452.299.277	15.737.555.772
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		129.037.396.330	185.057.706.215

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Mã số	31/12/2015 VND	31/12/2014 VND
1. Chứng khoán lưu ký của công ty quản lý quỹ	006	9.736.540.000	4.328.760.000
2. Chứng khoán chưa lưu ký của công ty quản lý quỹ	020	18.928.550.000	23.205.150.000
3. Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác	030	29.250.987.970	1.138.961.945
- Tiền gửi của nhà đầu tư ủy thác trong nước	031	29.250.987.970	1.138.961.945
4. Danh mục đầu tư của nhà đầu tư ủy thác	040	5.798.801.872.975	9.341.082.112.998
- Nhà đầu tư ủy thác trong nước	041	5.798.801.872.975	9.341.082.112.998
5. Các khoản phải thu của nhà đầu tư ủy thác	050	99.751.410.313	173.356.310.000
6. Các khoản phải trả của nhà đầu tư ủy thác	051	22.469.100.309	27.205.366.110



Trần Thị Thủy
 Giám đốc

Đỗ Thị Kim Cúc
 Trưởng Phòng Tài chính Kế toán

Phạm Thị Thanh Vân
 Người lập

Ngày 24 tháng 3 năm 2016

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B02-CTQ

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2015	2014
1. Doanh thu	01	16	23.174.388.949	28.568.931.321
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01-02)	10		23.174.388.949	28.568.931.321
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	17	8.955.829.190	8.252.351.985
5. Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh (20=10-11)	20		14.218.559.759	20.316.579.336
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	19	8.181.828.621	7.425.209.791
7. Chi phí tài chính	22	20	5.034.290.170	1.341.823.500
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		15.883.661.351	13.994.960.199
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-25)	30		1.482.436.859	12.405.005.428
10. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30)	50		1.482.436.859	12.405.005.428
11. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	21	379.610.839	2.724.769.671
12. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51)	60		1.102.826.020	9.680.235.757
13. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	22	110	678



Trần Thị Thủy
Giám đốc

Ngày 24 tháng 3 năm 2016

Đỗ Thị Kim Cúc
Trưởng Phòng Tài chính Kế toán

Phạm Thị Thanh Vân
Người lập

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp trực tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MẪU SỐ B03-CTQ
 Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2015	2014
I LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Tiền thu từ hoạt động nghiệp vụ, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	37.726.301.897	209.348.364.549
2. Tiền chi trả cho hoạt động nghiệp vụ và người cung cấp hàng hóa, dịch vụ	02	(14.014.779.985)	(211.603.322.312)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(8.084.327.068)	(7.585.000.611)
4. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(1.102.273.429)	(2.024.640.917)
5. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	7.238.000.234	11.930.843.756
6. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(4.739.956.641)	(27.483.929.844)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	17.022.965.008	(27.417.685.379)
II LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(33.300.000)	(13.441.750.000)
2. Tiền chi mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(55.256.000.000)	-
3. Tiền thu từ thanh lý các khoản đầu tư công cụ nợ của đơn vị khác	24	53.784.284.515	-
4. Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia	27	667.006.559	374.542.827
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(838.008.926)	(13.067.207.173)
III LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(1.450.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	(1.450.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50	16.184.956.082	(41.934.892.552)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	17.653.969.794	59.588.862.346
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60)	70	33.838.925.876	17.653.969.794



Trần Thị Thủy
 Giám đốc

Đỗ Thị Kim Cúc
 Trưởng Phòng Tài chính Kế toán

Phạm Thị Thanh Vân
 Người lập

Ngày 24 tháng 3 năm 2016

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

MÃ SỐ 05-CTQ
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Số dư đầu năm		Số tăng, giảm		Số dư cuối năm	
	Năm nay	Năm trước	Năm nay	Giảm	Năm trước	Năm trước
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	100.000.000.000	100.000.000.000	-	-	-	100.000.000.000
2. Quỹ dự phòng tài chính	999.048.486	569.494.248	-	429.554.238	-	999.048.486
3. Quỹ đầu tư phát triển	999.048.486	569.494.248	-	429.554.238	-	999.048.486
4. Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	484.011.788	484.011.788	-	-	484.011.788
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	15.737.555.772	13.075.536.968	1.102.826.020	(8.388.082.515)	9.680.235.757	(7.018.216.953)
Cộng	117.735.652.744	114.214.525.464	1.586.837.808	(8.388.082.515)	10.539.344.233	(7.018.216.953)
						110.934.408.037
						117.735.652.744



Trần Thị Thủy
Giám đốc

Phạm Thị Thanh Vân
Người lập

Đỗ Thị Kim Cúc
Trưởng Phòng Tài chính Kế toán

Ngày 24 tháng 3 năm 2016

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 27 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B09-CTQ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ đầu tư Tài chính Dầu khí (PVFC Capital) (“Công ty”) là doanh nghiệp cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 23/UBCK-GP ngày 14 tháng 12 năm 2007 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 35 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 31 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

1. Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đầu tư chứng khoán;
2. Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán.

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 03, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”), hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Tuy nhiên, việc áp dụng Thông tư 200 không có ảnh hưởng trọng yếu đến tính so sánh của các số liệu trên báo cáo tài chính.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC (“Thông tư 200”) hướng dẫn chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc đã áp dụng Thông tư 200 trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09-CTQ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán theo Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05 tháng 9 năm 2011 của Bộ Tài chính và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, các khoản phải thu và các khoản đầu tư dài hạn khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm chi phí phải trả và các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, và các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá ba tháng.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính bao gồm đầu tư chứng khoán ngắn, dài hạn, các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên ba tháng và các khoản đầu tư dài hạn khác.

Đầu tư chứng khoán

Đầu tư chứng khoán ngắn, dài hạn bao gồm chứng khoán tự doanh và các chứng khoán đầu tư. Đầu tư chứng khoán ngắn, dài hạn được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá chứng khoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09-CTQ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Đầu tư chứng khoán (Tiếp theo)

Dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư chứng khoán được Công ty vận dụng theo như hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp và Thông tư số 146/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ. Theo đó:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết, Công ty áp dụng giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đăng ký giao dịch (cổ phiếu đăng ký giao dịch tại Upcom), Công ty áp dụng giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch, dự phòng giảm giá cho các chứng khoán được thực hiện trên cơ sở đánh giá của Ban Giám đốc về giá trị suy giảm của các cổ phiếu, dựa trên mức giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của 02 công ty chứng khoán khác nhau có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm trích lập dự phòng nhưng không quá một tháng tính đến ngày trích lập dự phòng do Công ty thu thập, bao gồm: Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt và Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt.

Giá gốc của các khoản đầu tư xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Đầu tư tài chính dài hạn khác

Đầu tư tài chính dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá chứng khoán.

Dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư chứng khoán dài hạn được Công ty thực hiện dựa trên đánh giá của Ban Giám đốc về suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày lập báo cáo tài chính, tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu thường được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm chi phí phát sinh. Trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, chi tiết như sau:

Loại tài sản	2015
	Số năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5
Phương tiện vận tải	10

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09-CTQ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính được ghi nhận theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Giá trị phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 4 năm.

Doanh thu hoạt động kinh doanh

Doanh thu hoạt động kinh doanh bao gồm doanh thu từ hoạt động quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, danh mục đầu tư chứng khoán. Các khoản doanh thu này được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở hợp đồng ký kết và giá trị thực tế thực hiện.

Doanh thu hoạt động tài chính

Hoạt động tự doanh chứng khoán

Lãi/lỗ từ hoạt động tự doanh chứng khoán được ghi nhận là doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính. Đối với chứng khoán đã niêm yết trên các sàn giao dịch chứng khoán, doanh thu hoặc chi phí hoạt động tự doanh chứng khoán được ghi nhận dựa trên cơ sở Thông báo khớp lệnh từ Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) và Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX). Đối với chứng khoán chưa niêm yết, doanh thu hoặc chi phí tự doanh chứng khoán được ghi nhận khi hoàn thành việc chuyển giao quyền sở hữu cho người mua.

Doanh thu từ hoạt động đầu tư

Doanh thu từ hoạt động đầu tư là lãi thu được từ cổ phiếu và trái phiếu. Lãi đầu tư cổ phiếu được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở thông báo chia lãi của tổ chức có cổ phần do Công ty nắm giữ. Lãi đầu tư trái phiếu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

Đầu tư chứng khoán của người ủy thác đầu tư

Công ty nhận tài sản từ người ủy thác đầu tư và thay mặt người ủy thác đầu tư để thực hiện các giao dịch kinh doanh chứng khoán theo các quy định trong hợp đồng ủy thác đầu tư giữa Công ty với người ủy thác đầu tư. Các khoản đầu tư của người ủy thác đầu tư được phản ánh theo giá thị trường. Công ty không thực hiện đánh giá và trích lập dự phòng đối với các khoản đầu tư của người ủy thác đầu tư vì theo quy định của hợp đồng ủy thác đầu tư, người ủy thác đầu tư chịu mọi rủi ro đối với các khoản lỗ phát sinh trong quá trình đầu tư mà nguyên nhân không phải do Công ty vi phạm các điều khoản quy định trong hợp đồng. Công ty ghi nhận các khoản mục liên quan đến hoạt động nhận ủy thác đầu tư trên các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B09-CTQ

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.